TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2025/QĐST-VLĐ	*TP. Nam Định, ngày 04 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Mai Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 02/2025/TLST-VLĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 02/2025/QĐST-VLĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963; căn cước công dân: 036163016843; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phùng Thị S, sinh ngày 05-10-1967; căn cước công dân: 036167000208; địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ dân phố V, phường T (địa chỉ cũ: Thôn V, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, phường T (địa chỉ cũ: Thôn V, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định.

+ Công ty CP M

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52/93 đường Q, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đức Kiểm, chức vụ: Chủ tịch

Hội đồng quản trị Công ty CP M.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Triệu Thị Oanh, chức vụ: Quyền Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 122 đường Ng, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Dũng, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh N.

(Bà N, bà S, bà Oanh, ông Dũng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc lao động ngày 08-3-2025 và bản tự khai ngày 20-3-2025, người yêu cầu là bà Phùng Thị N trình bày:

Ngày 26-4-1994, bà Phùng Thị S (là em gái bà Phùng Thị N) nộp đơn xin đi làm tại Công ty Môi trường thành phố N (nay là Công ty CP M); tuy nhiên đến ngày 30-6-1999 Công ty Môi trường thành phố N mới đồng ý tiếp nhận nên thông báo cho bà S đến công ty ký hợp đồng lao động. Tại quyết định số 23/1999-QĐTC ngày 30-6-1999 của Giám đốc Công ty M đã quyết định ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà S. Do tại thời điểm này bà S mới đẻ con chưa được 01 tháng nên không thể đi làm được. Bà S có nói với bà N là thay bà S đi làm tại Công ty Môi trường thành phố N. Vì vậy, bà N đã đến Công ty Môi trường thành phố N dưới tên của bà Phùng Thị S và ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01-7-1999 với Công ty Môi trường thành phố N. Sau khi ký hợp đồng bà N (dưới tên của bà Phùng Thị S) được phân công nhiệm vụ làm công nhân thu gom rác tại tổ sản xuất số 3 đội vệ sinh môi trường số 1 và được hưởng mức lương 201.600 đồng, bậc 1/7, hệ số 1,4. Bà N làm việc tại Công ty ổn định từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019 và lấy tên, tuổi của bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 để giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ với Công ty. Đến ngày 09-9-2019 Công ty CP M đã ban hành Quyết định số 105/QĐNN-CTMT về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S và được Bảo hiểm xã hội tỉnh N ra Quyết định số 1622/QĐ-BHXH ngày 18-9-2019 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng có hiệu lực từ 01-10-2019 cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S.

Đến cuối năm 2022, bà Phùng Thị N đi làm căn cước công dân nhưng lấy thông tin (tên và tuổi) của bà Phùng Thị S để kê khai. Công an phát hiện giấy tờ của bà Phùng Thị N kê khai dưới tên Phùng Thị S không trùng khớp với thông tin dữ liệu quản lý tại địa phương: "Trong một gia đình có 02 người cùng trùng

tên là Phùng Thị S nhưng thực tế chỉ có một người tên là Phùng Thị N và một người là Phùng Thị S khác ngày, tháng, năm sinh". Công an đã điều chỉnh tên tuổi của bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 (khai theo hồ sơ đi làm) về tên thật là Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963. Do bà Phùng Thị N đang hưởng chế độ hưu trí theo tên bà Phùng Thị S nên Công an đã làm công văn gửi tới Bảo hiểm xã hội tỉnh N về trường hợp điều chỉnh thông tin từ Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 sang Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963. Đến tháng 11-2023 Bảo hiểm xã hội tỉnh N đã mời bà Phùng Thị N đến giải quyết việc bà N mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động và đã được cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng. Do bà N chưa cung cấp đủ hồ sơ nên tháng 12-2023 Bảo hiểm xã hội tỉnh N đã tạm dừng chi trả lương hưu cho bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966, số sổ BHXH 8900001299 do không trùng khớp thông tin người nhận.

Hiện tại bà Phùng Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết ngày 01-7-1999 giữa Công ty CP M với bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 là vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

2. Tại bản tự khai ghi ngày 20-3-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị S trình bày:

Bà Phùng Thị S xác nhận việc có nhờ chị ruột là bà Phùng Thị N đi làm tại Công ty Môi trường thành phố N dưới tên của bà và ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01-7-1999 với Công ty Môi trường thành phố N. Bà N làm việc tại Công ty ổn định từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019 và lấy tên, tuổi của bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 để giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ với Công ty. Đến ngày 09-9-2019 Công ty CP M đã ban hành Quyết định số 105/QĐNN-CTMT về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S và được Bảo hiểm xã hội tỉnh N ra Quyết định số 1622/QĐ-BHXH ngày 18-9-2019 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng có hiệu lực từ 01-10-2019 cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S.

Hiện tại bà nhất trí đối với yêu cầu của bà Phùng Thị N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố hợp đồng lao động của Công ty CP M với bà - Phùng Thị S ký ngày 01-7-1999 vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

3. Tại bản tự khai ghi ngày 20-3-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty CP M trình bày:

Ngày 01-7-1999, Công ty CP M ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà Phùng Thị N, Quyết định số 23/1999-QĐTC ngày 30-6-1999, có hiệu lực từ ngày 01-7-1999. Bà Phùng Thị N được phân công nhiệm vụ làm công nhân thu gom rác tại tổ sản xuất số 3 đội vệ sinh môi trường số 1 và được

hưởng mức lương 201.600 đồng, bậc 1/7, hệ số 1,4. Tuy nhiên, mọi thông tin, giấy tờ liên quan bà Phùng Thị N cung cấp cho Công ty đều mang tên là Phùng Thị S. Quá trình bà Phùng Thị N làm việc tại Công ty từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019 đều lấy tên và tuổi của bà Phùng Thị S để giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ với Công ty. Công ty đã lập hồ sơ theo dõi và chi trả mọi quyền lợi cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966. Đến ngày 09-9-2019 Công ty CP M đã ban hành Quyết định số 105/QĐNN-CTMT về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S và được Bảo hiểm xã hội tỉnh N ra Quyết định số 1622/QĐ-BHXH ngày 18-9-2019 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng có hiệu lực từ 01-10-2019 cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S.

Nay bà Phùng Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố hợp đồng lao động ký kết ngày 01-7-1999 giữa Công ty CP M với bà Phùng Thị S là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì Công ty CP M có quan điểm nhất trí và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

4. Tại văn bản số 355/BHXH-QLST ngày 27-3-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh N trình bày:

Bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966, số CCCD: 036166013332, mã số tham gia BHXH số 8900001299 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) và bảo hiểm tự nguyện (viết tắt là BHTN) cụ thể như sau:

Từ tháng	**Đến tháng**	**Cấp bậc, chức vụ, chức danh nghề, công việc, nơi làm việc (tên cơ quan, đơn vị, địa chỉ)**	**Mức đóng**	**Tỷ lệ đóng BHXH**
07/1999	12/2000	Công nhân thu gom rác. Công ty M	1.40	20%
01/2001	12/2003	Công nhân thu gom rác. Công ty M	1.55	20%
01/2004	09/2004	Công nhân thu gom rác. Công ty M	1.72	20%
10/2004	11/2007	Công nhân thu gom rác. Công ty M	2.31	20%
12/2007	03/2008	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	2.31	20%
04/2008	12/2009	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	2.71	20%
01/2010	03/2011	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	2.71	22%
04/2011	10/2011	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.19	22%
11/2011	12/2011	Không tham gia BHXH	X	X
01/2012	04/2012	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.19	24%
05/2012	05/2012	Không tham gia BHXH	X	X
06/2012	12/2013	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.19	24%

01/2014	12/2015	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.19	26%
01/2016	04/2016	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.668.500đ	26%
05/2016	06/2016	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	3.859.900đ	26%
07/2016	07/2016	Công nhân thu gom rác. Công ty TNHH MTV môi trường Nam Định	4.525.400đ	26%
08/2016	12/2016	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	4.525.400đ	26%
01/2017	05/2017	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	4.743.200đ	26%
06/2017	07/2017	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	4.743.200đ	25,5%
08/2017	12/2017	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	4.743.200đ	25%
01/2018	06/2018	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	5.096.000đ	25%
07/2018	06/2019	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	5.448.800đ	25%
07/2019	09/2019	Công nhân thu gom rác. Công ty CP M	5.840.800đ	25%

Với quá trình tham gia BHXH như trên, bà Phùng Thị S đã được hưởng chế độ hưu trí từ tháng 10-2019.

Bà Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963, số CCCD: 036163016843, mã số 3622002857 chỉ tham gia bảo hiểm y tế tự đóng tại Tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm y tế - Bưu điện thành phố N, giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế từ ngày 22-02-2025 đến ngày 21-02-2026.

Trường hợp bà Phùng Thị N mượn hồ sơ của bà Phùng Thị S để đi làm, tham gia đóng BHXH và đã được giải quyết hưởng chế độ hưu trí. Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 17, Điều 98 Luật Bảo hiểm xã hội; công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31-5-2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Điểm b Khoản 1 Điều 49, Điều 50 Bộ Luật Lao động năm 2019; Điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 cơ quan BHXH không thực hiện điều chỉnh thông tin nhân thân từ họ tên Phùng Thị S thành Phùng Thị N được mà phải căn cứ kết quả xử lý hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật để xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Nay bà Phùng Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố hợp đồng lao động ký kết ngày 01-7-1999 giữa Công ty CP M với bà Phùng Thị S bị vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh N là nhất trí và đề nghị Toà án nhân dân thành phố N giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên họp có quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, Thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị căn cứ Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều Điều 361, 367, Điều 370, Điều 371, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019: Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị N. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty CP M và bà Phùng Thị S là vô hiệu. Về lệ phí việc lao động: Bà Phùng Thị N được miễn tiền lệ phí việc lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố N nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phùng Thị N làm đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty CP M và bà Phùng Thị S là vô hiệu, giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Giữa các đương sự không có tranh chấp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là việc lao động yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty CP M, có địa chỉ tại: Số 52/93 đường Q, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Ngày 30-6-1999 Giám đốc Công ty M (nay là Công ty CP M) ký quyết định số 23/1999-QĐTC về việc ký hợp đồng lao động không xác định

thời hạn và điều động bà Phùng Thị S, sinh tháng 9-1966 làm nhiệm vụ thu gom rác tại tổ sản xuất 3, đội vệ sinh môi trường số 1 kể từ ngày 01-7-1999. Căn cứ vào quyết định trên Công ty M (nay là Công ty CP M) đã kết hợp đồng lao động với bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966. Theo tài liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh N cung cấp thì bà Phùng Thị S tham gia BHXH từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019 với mã số BHXH 8900001299. Tuy nhiên trên thực tế người ký hợp đồng lao động và làm việc đồng thời hưởng quyền lợi, thực hiện nghĩa vụ tại Công ty M (nay là Công ty CP M) là bà Phùng Thị N mà không phải bà Phùng Thị S.

Xét thấy việc bà Phùng Thị N dùng tên, tuổi của bà Phùng Thị S để ký kết hợp đồng lao động với Công ty M (nay là Công ty CP M) là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của bà Phùng Thị N về việc tuyên bố hợp đồng lao động đã ký ngày 01-7-1999 giữa Công ty M (nay là Công ty CP M) và bà Phùng Thị S (do bà Phùng Thị N ký) là vô hiệu.

[2.2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Khi hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động được giải quyết theo quy định của pháp luật. Thực tế bà Phùng Thị N làm việc tại Công ty CP M từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019, tham gia đóng bảo hiểm xã hội và đã được giải quyết chế độ hưu trí. Công ty M (nay là Công ty CP M) đã thực hiện chi trả mọi quyền lợi cho bà Phùng Thị N dưới tên bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966 trong quá trình làm việc. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 4 Điều 17, Điều 98 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ thì giao cho cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội, mã số 8900001299 từ bà Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966, căn cước công dân: 036167000208; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, phường T (địa chỉ cũ: Thôn V, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định thành tên bà Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963; căn cước công dân: 036163016843; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

[3] Về lệ phí giải quyết việc lao động:

Bà Phùng Thị N là người yêu cầu nên phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định. Tuy nhiên bà Phùng Thị N sinh ngày 17-01-1963,

theo quy định của Luật người cao tuổi thì bà Phùng Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền lệ phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền lệ phí việc lao động sơ thẩm cho bà Phùng Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ khoản 4 Điều 17, Điều 98 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị N: Tuyên bố hợp đồng lao động ký ngày 01-7-1999 giữa Công ty M (nay là Công ty CP M) và bà Phùng Thị S (do bà Phùng Thị N ký) trong thời gian từ tháng 7-1999 đến tháng 9-2019 là vô hiệu.

Giao cho cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội, mã số 8900001299 từ Phùng Thị S, sinh ngày 08-9-1966, căn cước công dân: 036167000208; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, phường T (địa chỉ cũ: Thôn V, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định thành tên Phùng Thị N, sinh ngày 17-01-1963; căn cước công dân: 036163016843; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 49 đường Âu Cơ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bà Phùng Thị N và bà Phùng Thị S có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N để điều chỉnh thông tin nhân thân theo quy định pháp luật. Cơ quan bảo hiểm xã hội có nghĩa vụ thực hiện việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Phùng Thị N tương ứng với thời gian làm việc và đóng bảo hiểm xã hội thực tế của bà Phùng Thị N.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động:

Bà Phùng Thị N được miễn tiền lệ phí việc lao động sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Phùng Thị N, bà Phùng Thị S, Công ty CP M và Bảo hiểm xã hội tỉnh N có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ quyết định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quyết định này có thể bị Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Mai Thị Thu Hiền